

Là HCHC trong phân tử có nhóm -COOH liên kết với nguyên tử C hoặc H

R-COOH



Cấu tạo

Tên hydrocarbon tương ứng (tính cả nhóm -COOH)
(bỏ e ở cuối) oic acid => Tên thay thế

Công thức	Tên thông thường	Tên thay thế
H-COOH	Formic acid	Methanoic acid
CH ₃ -COOH	Acetic acid	Ethanoic acid
CH ₃ CH ₂ -COOH	Propionic acid	Propanoic acid
CH ₃ CH ₂ CH ₂ -COOH	Butyric acid	Butanoic acid
(CH ₃) ₂ CH-COOH	Isobutyric acid	2-methylpropanoic acid
CH ₃ -[CH ₂] ₃ -COOH	Valeric acid	Pentanoic acid
CH ₂ =CH-COOH	Acrylic acid	Propenoic acid
CH ₂ =C(CH ₃)-COOH	Methacrylic acid	2-methylpropenoic acid

Xuất phát từ nguồn gốc tìm ra
=> Tên thông thường

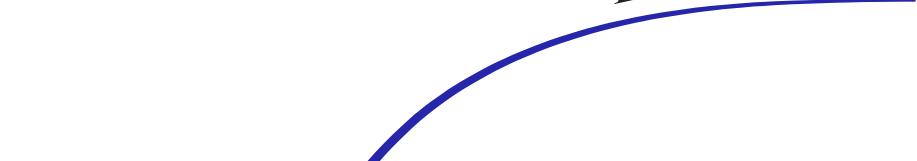
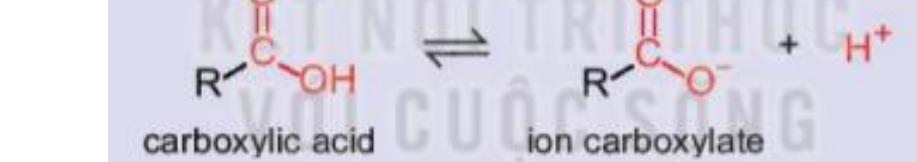
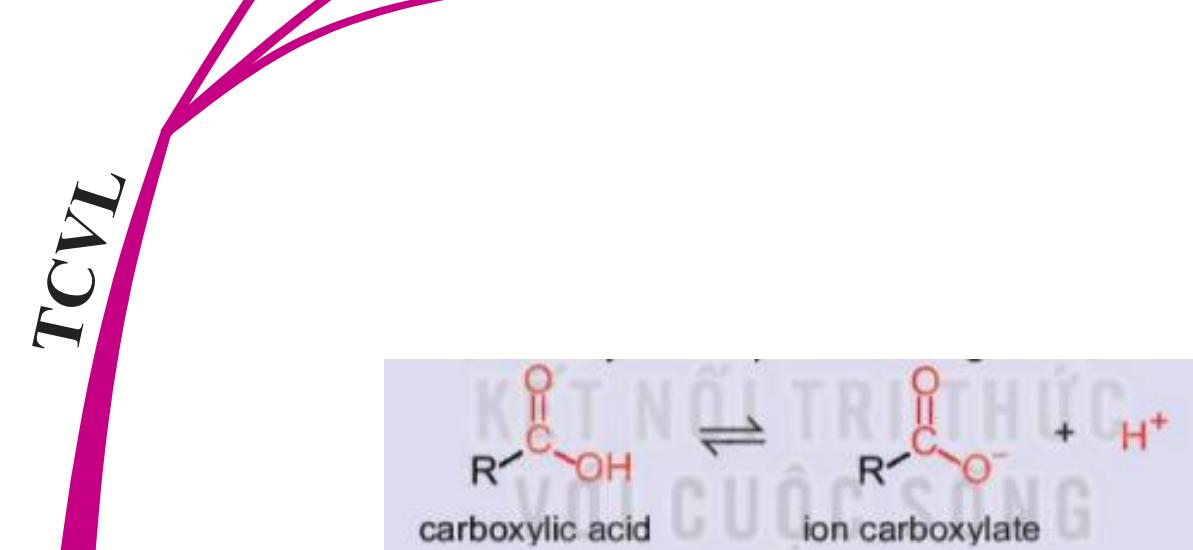
Danh pháp

CARBOXYLIC ACID

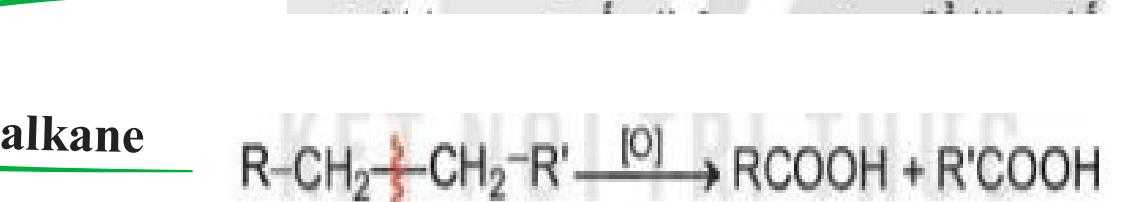
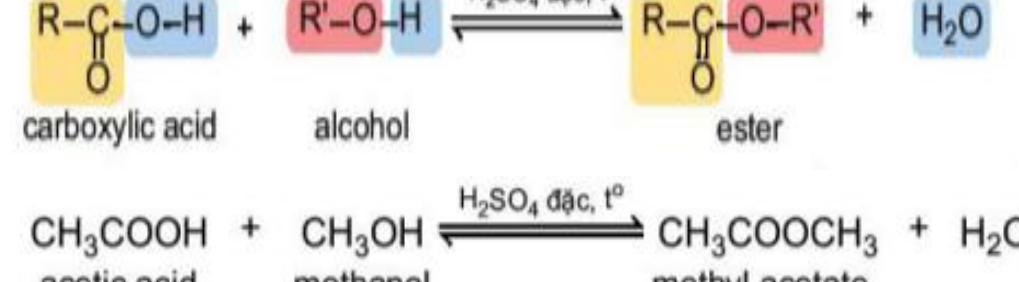
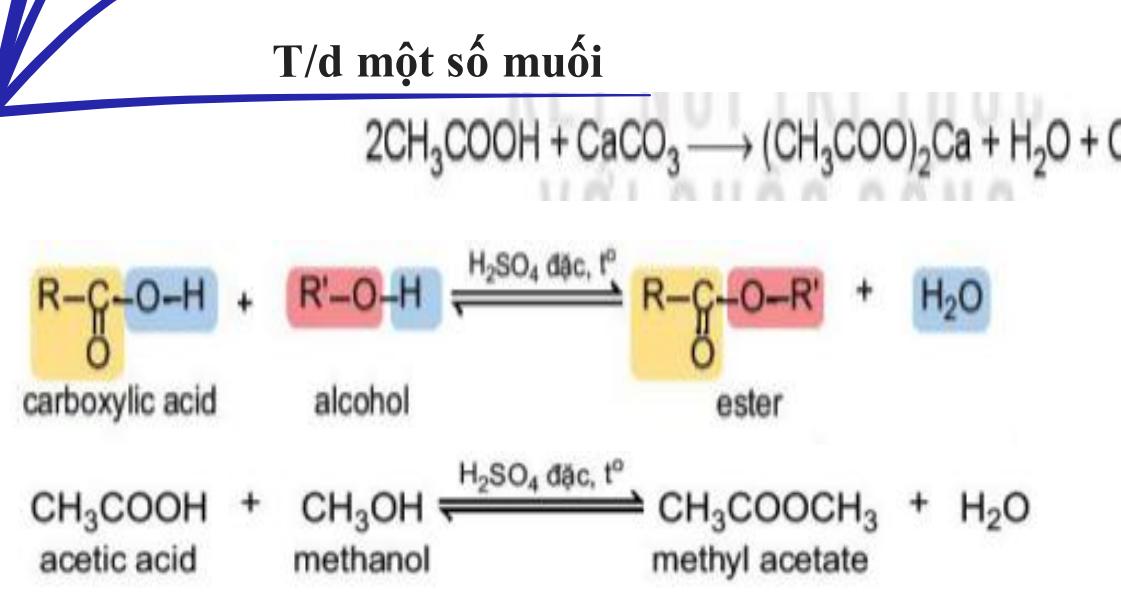
Ứng dụng



M: C_xH_y < alcohol < carboxylic acid



Phản ứng tạo ester



Định nghĩa

Điều chế

Sản xuất

Công nghệ thực phẩm

Dung môi

Sản xuất vật liệu polymer

Sản xuất dược phẩm

Điều chế hương liệu cho ngành mỹ phẩm

Một số ứng dụng của carboxylic acid



2CH₃-COOH + Zn → (CH₃-COO)₂Zn + H₂

2CH₃-COOH + Ca(OH)₂ → (CH₃-COO)₂Ca + 2H₂O

2CH₃-COOH + CuO → (CH₃-COO)₂Cu + H₂O

2CH₃-COOH + CaCO₃ → (CH₃-COO)₂Ca + H₂O + CO₂

2CH₃-COOH + Cu → (CH₃-COO)₂Cu + H₂

Công thức của ion chất lưu	Tên theo danh pháp chất lưu	Tên thông thường	Nguyên gốc
HCOO ⁻	methanoic acid	formic acid	formica (La-tinh): con kiến
CH ₃ -COO ⁻	ethanoic acid	acetic acid	acetum (La-tinh): gốm ăn
CH ₃ CH ₂ -COO ⁻	propionic acid	propionic acid	chất béo dầu mỡ

